TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ- TP HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-ST
Ngày: 29/7/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Tưởng Ngọc Tuấn**

Hội thẩm nhân dân:

Ông **Phạm Tiến Lợi**

Bà **Nguyễn Thị Liên**

Thư ký phiên toà: Ông **Tô Mạnh Hà** – Thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà **Triệu Thị Hồng** – Kiểm sát viên.

Ngày 29/7 /2019, tại trụ sở TAND huyện Chương Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 31/2019/TLST-DSST ngày 07 tháng 5 năm 2019 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13 /2019/QĐXX – DS, ngày 25/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại TNHH MTV Dầu khí toàn cầu (Gpbank); Địa chỉ: Số 109 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy Thông – Chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Chí Công, ông Nguyễn Văn Dương Ngọc. Có mặt ông Công.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Đỗ Xuân N, sinh năm 1978

2.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1980

Đều trú tại: Thôn Yên Trường, xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Đều vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1952

3.2. Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1976

Đều trú tại: Thôn Yên Trường, xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Trong đơn khởi kiện nộp tại Tòa án và quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa; Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:*

1.1 . Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

1.1 . Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu (Gọi tắt là GPBANK) ký kết Hợp đồng tín dụng số 0013/HĐTD-GPBHK/11 ngày 19/03/2011 với vợ chồng ông Đỗ Xuân N và bà Nguyễn Thị N. Theo Hợp đồng tín dụng GPBANK cho vợ chồng ông Đỗ Xuân N và bà Nguyễn Thị N vay 700.000.000đồng, đã giải ngân và vợ chồng ông N và bà N đã nhận đủ số tiền trên theo khế ước nhận nợ số 01. 0013/HĐTD-GPBHK/11 ngày 19/3/2011. Nội dung như sau:

- Số tiền vay: 700.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).
- Thời hạn: 12 tháng
- Lãi suất: thả nổi, thay đổi theo thông báo của ngân hàng
- Mục đích vay: Vay bù đắp tiền xây nhà
- Hình thức giải ngân: Tiền mặt.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông N và bà N mới trả được 56.468.745 đồng, trong đó bao gồm 0 đồng nợ gốc, nợ lãi: 56.468.745 đồng.

Như vậy vợ chồng ông N và bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết trong Hợp đồng tín dụng GPBANK đã nhiều lần thông báo yêu cầu vợ chồng ông N và bà N trả nợ nhưng không kết quả.

Tính đến ngày 29/7/2019 thì theo hợp đồng đã giao kết, GPBANK yêu cầu vợ chồng ông Đỗ Xuân N và bà Nguyễn Thị N phải trả cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ như sau:

Tổng nghĩa vụ: 2.596.929.498 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 700.000.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 14.999.451 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 1.881.930.048 đồng

Kể từ ngày 30/7/2019 vợ chồng ông N và bà N phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

1.2. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ: vợ chồng ông Đỗ Xuân Nn và bà Nguyễn Thị N ký Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 1526.2011/HĐTC ngày 18/3/2011 tại Văn phòng Công chứng Thăng Long, Tp Hà Nội; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/3/2011. Theo đó vợ chồng ông Đỗ Xuân N và bà Nguyễn Thị N thế chấp với GPBANK: **Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất**

tại thửa đất số 92, tờ bản đồ số 01, diện tích 179m2 tại địa chỉ thôn Yên Trường, xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, Tp Hà Nội, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 907532 do UBND huyện Chương Mỹ cấp cho hộ ông Đỗ Xuân N ngày 04/3/2011.

GPBANK khẳng định việc ký Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên là đúng quy định pháp luật. Trong trường hợp ông N và bà N không trả được nợ, GPBANK yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp.

II. Bị đơn ông Đỗ Xuân Nguyên và bà Nguyễn thị Nhung:

Tòa án đã tống đạt các quyết định của Tòa án và làm việc tại nơi cư trú của vợ chồng ông N và bà N nhưng ông N bà N không hợp tác, do đó không có lời khai trình bày của ông N và bà N.

III. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị N và chị Đỗ Thị T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không trình bày ý kiến, quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ thể hiện quan điểm:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án yêu cầu tham gia đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ;

Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể:

- Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng là: 2.596.929.498 đồng; trong đó nợ gốc: 700.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 14.999.451 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.881.930.048 đồng.

- Xác định Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là có hiệu lực pháp luật và có hiệu lực thi hành.

Về án phí buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng:

Bị đơn là ông Đỗ Xuân N và bà Nguyễn Thị N cư trú tại: Thôn Yên Trường, xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội; Việc Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thời điểm giao kết HĐTD, HĐTCTS, Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp.

Tại phiên tòa ngày 12/7/2019 vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, tại phiên tòa hôm nay bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung.

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, tiền lãi trong hạn, quá hạn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1.1 Xét tính hiệu lực của **Hợp đồng tín dụng số: 0013/HĐTD/GPBHK/11** ngày 19/3/2011. Số tiền GPBANK cho vợ chồng ông N bà N vay 700.000.000 đồng. Nội dung của Hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật. Xác định Hợp đồng tín dụng số 0013/HĐTD-GPBHK/11 ngày 19/3/2011 có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo thoả thuận của Hợp đồng tín dụng.

2.1.2. Xét yêu cầu buộc bị đơn phải trả toàn bộ gốc, lãi phát sinh của nguyên đơn:

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu đã giải ngân cho ông N bà N vay đủ số tiền 700.000.000 đồng, ông Nguyên và bà N đã nhận đủ thông qua khế ước nhận nợ số 01.0013/HĐTD-GPBHK/11 ngày 19/3/2011. Như vậy Ngân hàng GPBANK đã thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng.

Sau khi vay được tiền, ông N và bà N mới trả được 56.468.745 đồng tiền lãi của hợp đồng. Đến nay vợ chồng N, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các kỳ trả nợ quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết và vẫn chưa thanh toán hết khoản vay trên. Như vậy ông N, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bị xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu khởi kiện đề nghị buộc ông N, bà N phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ kèm theo là có căn cứ pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo đó, buộc ông Đỗ Xuân N và bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu toàn bộ số tiền còn nợ cả gốc và lãi phát sinh của khoản vay tính đến 29/7/2019 là Tổng nợ phải trả: 2.596.929.498 đồng. Cụ thể:

+ Nợ gốc: 700.000.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 14.999.451 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 1.881.930.048 đồng

Kể từ ngày 30/7/2019, ông Ng, bà N phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản:

Đối với yêu cầu đề nghị xử lý khối tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản.

Xét: Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 1526.2011/HĐTC ngày 18/3/2019 tại Văn phòng Công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội; đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/3/2019. Theo đó tài sản đảm bảo cho khoản vay của ông N và bà N là: **Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại** thửa đất số 92, tờ bản đồ số 01, diện tích 179m2 tại địa chỉ Thôn Yên Trường, xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 907532 do UBND huyện CHương Mỹ cấp cho hộ ông Đỗ Xuân N ngày 04/3/2011. Khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp tài sản thì không bị ai ép buộc và trực tiếp ký. Hội đồng xét xử xác định: Các bên khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp tài sản đã thực hiện đúng về hình thức, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Theo đó thoả thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 1526.2011/HĐTC ngày 18/3/2011 tại Văn phòng công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận của Hợp đồng thế chấp tài sản.

Do vậy: Yêu cầu của nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ và phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó trường hợp ông Đỗ Xuân N và bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: **Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại** thửa đất số 92 , tờ bản đồ số 01, diện tích 179m2 tại địa chỉ thôn Yên Trường, xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 907532 do UBND huyện Chương Mỹ cấp cho hộ ông Đỗ Xuân N ngày 04/3/2011 để thu hồi khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0013/HĐTD-GPBHK/11 ngày 19/3/2011.

Đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù Tòa án đã triệu tập và làm việc tại nơi cư trú nhưng phía bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trốn tránh không hợp tác do đó không có ý kiến trình bày.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 thì:

- Ông Đỗ Xuân N và bà Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 83.938.590 đồng.

- Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều: 290,342, 343, 355, 471, 474, 476, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 7 Điều 113, Điều 130 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ các Điều: 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành luật đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu.

2. Về trách nhiệm trả nợ: Buộc ông Đỗ Xuân N và bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0013/HĐTD-GPBHK/11 ngày 19/3/2011, tính đến ngày 29/7/2019 là **2.596.929.498 đồng (hai tỷ năm trăm chín mươi sáu triệu chín trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng)**. Trong đó:

+ Nợ gốc: **700.000.000 đồng**

+ Nợ lãi trong hạn: **14.999.451 đồng**

+ Nợ lãi quá hạn: **1.881.930.048 đồng**

Kể từ ngày 30/7/2019 ông Đỗ Xuân N và bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0013/HĐTD-GPBHK/11 ngày 19/3/2011.

3. Về xử lý tài sản thế chấp:

3.1. Trường hợp ông N và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại khối tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là: **Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại** thửa đất số 92 , tờ bản đồ số 01, diện tích 179m2 tại địa chỉ: Thôn Yên Trường, xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 907532 do UBND huyện Chương Mỹ cấp cho hộ ông Đỗ Xuân N ngày 04/3/2011.

3.2. Việc xử lý khối tài sản đã thế chấp được tiến hành theo đúng thoả thuận về xử lý tài sản thế chấp đã quy định tại Hợp đồng thế chấp tài sản số

công chứng 1526.2011/HĐTC ngày 18/3/2011 tại Văn phòng công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội.

3.3. Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông N và bà N vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc, lãi còn lại cho ngân hàng đến khi thanh toán xong.

4. Về án phí:

4.1. Buộc ông Đỗ Xuân N và bà Nguyễn Thị N phải chịu 83.938.590 đồng *(tám mươi ba triệu chín trăm ba mươi tám nghìn năm trăm chín mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Trả lại Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu 39.000.000 đồng (ba mươi chín triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: AA/2015/0003975 ngày 06 tháng 5 năm 2019.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND huyện Chương Mỹ;*
- *THA huyện Chương Mỹ;*
- *Các đương sự;*
- *Lu HS, VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Tưởng Ngọc Tuấn